

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 12 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp về chia di sản thừa kế theo pháp luật và yêu cầu CN HĐCNQSD đất hợp pháp.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Quốc Kiên

2. Ông: Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa bà: Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa: Ông Nguyễn Hữu Tư – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về chia di sản thừa kế theo pháp luật và yêu cầu công nhận hợp đồng CNQSD đất hợp pháp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H - sinh năm: 1960

Địa chỉ: TDP L, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Ông Lê Huy T – Sinh năm: 1950

Địa chỉ: TDP T, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị M - sinh năm: 1965

2. Bà Lê Thị M1 - sinh năm: 1972

Đều có địa chỉ: TDP Tân Vinh, phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

3. Bà Lê Thị H1 - sinh năm: 1960

Người đại diện cho bà H1: Anh Hà Văn Đ - Sinh năm: 1989 (Là con đẻ của bà H1).

Đều có địa chỉ: TDP T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Hoàng Văn T1 - Sinh năm: 1978

Địa chỉ: TDP Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

5. Chị Hoàng Thị D – Sinh năm: 1977

6. Chị Hoàng Thị L – Sinh năm: 1980

7. Anh Hoàng Văn T2 – Sinh năm: 1982

8. Anh Hoàng Văn N – Sinh năm: 1989

9. Anh Hoàng Văn Đ1 – Sinh năm: 1989

Đều có địa chỉ: TDP N, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Anh T1, chị L, anh T2, anh N, anh Đ1 đều ủy quyền cho chị Hoàng Thị D tham gia tố tụng

10. Ông Nguyễn Văn Đ2 – Sinh năm: 1952

11. Chị Nguyễn Thị T3 – Sinh năm: 1984

12. Chị Nguyễn Thị T4 – Sinh năm: 1985

Đều có địa chỉ: TDP T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

13. Anh Nguyễn Văn T5 – Sinh năm: 1978

14. Chị Nguyễn Thị T6 – Sinh năm: 1986

15. Chị Nguyễn Thị H2 – Sinh năm: 1988

16. Anh Nguyễn Văn A – Sinh năm: 1991

Đều có địa chỉ: TDP Đoàn Hùng, phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

17. Anh Lê Ngọc Q – Sinh năm: 1996

Địa chỉ: TDP T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

18. Chị Lê Thị T7 – Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

19. Chị Lê Thị N1 – Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện M, TP .

Anh Q và chị T7 đều ủy quyền cho chị Lê Thị N1 tham gia tố tụng

20. Ông Lê Văn X – Sinh năm: 1964

21. Anh Lê Huy T8 – Sinh năm: 1976

22. Chị Bùi Thị T9 – Sinh năm: 1980

23. Bà Hoàng Thị T10 – Sinh năm: 1966

Đều có địa chỉ: TDP T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, bà Lê Thị M1, ông Lê Văn X và anh Lê Huy T8 còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Cụ Lê Tất C và cụ Hoàng Thị L1 là bố mẹ bà, hai cụ sinh được 8 người con gồm: ông Lê Huy T, bà Lê Thị L2, Lê Thị X1, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Thị M, Lê Ngọc M2 và Lê Thị M1. Khi còn sống hai cụ có tạo dựng lên được một khối tài sản chung là 1.481,4m² đất, trong đó có 200m² đất ở và 1281,4m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở sử dụng trước ngày 18/12/1980, theo Hội nghị xét nguồn gốc đất của UBND Phường H đã xác nhận. Khi hai cụ còn sống có cho cháu Lê Huy T8 (là con trai ông Lê Huy T – cháu đích tôn của cụ C và Là) 200m² đất hiện cháu T8 đã làm nhà ở ổn định và cho cháu Lê Ngọc Q (con trai em Lê Ngọc M2 – là cháu nội của cụ C và Là) 200m² đất, trên đất có xây một ngôi nhà cấp 4 mà hai cụ đã ở, sau đo vẽ thực tế là 1481.7m². Năm 2007 thì cụ C chết còn cụ L1 chết năm 2018. Khi hai cụ chết không để lại di chúc. Trong 8 người con của hai cụ hiện nay đã chết ba người là bà Lê Thị L2 (bà L2 chết năm 2002), Lê Ngọc M2 (chết năm 2015) và Lê Thị X1 (chết năm 2009), còn bà Lê Thị H1 bị thần kinh, TAND Thị xã Nghi Sơn đã ra Quyết định tuyên bố bà Lê Thị H1 mất năng lực hành vi dân sự.

Sau khi bố mẹ bà chết thì cháu Q là người ở trong ngôi nhà ông bà xây còn diện tích đất trống thì bà và dì Mơ, dì M trồng cây hoa màu và trông coi quản lý.

Do anh em trong nhà không thống nhất được việc phân chia tài sản đất của bố mẹ để lại nên bà làm đơn đề nghị Tòa án chia di sản bố mẹ bà để lại cụ thể như sau. Trong số 1481,7m² đất khi bố mẹ bà còn sống đã cho cháu Q và T8 mỗi cháu 200m² đất nên số di sản thừa kế còn lại là 1081,4m² đất bà đề nghị Tòa án chia theo pháp luật cho 8 anh chị em, ai chết thì chia cho chồng, con họ được hưởng theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H đề nghị HĐXX căn cứ vào hiện trạng nhà và đất gia đình anh Lê Huy T8 và khu nhà ở của bố mẹ bà xây để giao quyền sử dụng cho anh Lê Huy T8 và Lê Ngọc Q, còn lại bao nhiêu thì chia đều cho tám anh chị em.

Bị đơn ông Lê Huy T trình bày như sau: ông và bà H có quan hệ anh em ruột, bố mẹ ông sinh được tám người con như bà H trình bày là đúng. Hiện nay bố mẹ ông đã

chết. Về di sản thừa kế bố mẹ ông để lại như bà H trình bày là đúng. Ông cũng đồng ý với quan điểm của bà H về việc chia đều diện tích đất còn lại sau khi trừ đi phần đất cho cháu T8 và Q cho 8 anh chị em trong nhà và ông đề nghị nên trích lại 15m chiều rộng để làm nhà thờ.

Quan điểm của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Thông nhất với quan điểm của bà H và ông T về việc chia thừa kế. Đối với đề nghị trích ra một phần diện tích đất để làm nhà thờ thì các bên cũng đồng ý nhưng không thống nhất về việc để lại diện tích bao nhiêu và ai là người đứng tên trong giấy CN QSD đất.

Theo quan điểm của anh Lê Huy T8 và chị Bùi Thị T9 như sau về việc chia thừa kế anh chị không có ý kiến gì. Đối với phần diện tích đất anh chị đã được ông bà nội cho và ở ổn định từ năm 1997 cho đến nay, anh chị đã xây nhà có tường rào xác định ranh giới nên đề nghị Tòa án không xác định phần diện tích đất này là di sản thừa kế của ông C và bà L1. Do đất nhà anh phía sau có rộng hơn phía trước theo bản vẽ trích đo hiện trạng có chiều rộng khoảng 0,84m và chiều dài khoảng 9.05m anh chị đề nghị các cô cho anh chị thêm phần diện tích đất này để cho đất nhà anh được bằng trước và sau, trong trường hợp mọi người không đồng ý thì anh chị cũng không có ý kiến gì.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất có hiệu lực pháp luật.

Quan điểm của ông Lê Văn X và bà Hoàng Thị T10 như sau: Vào năm 2002, con gái ông C là bà Lê Thị X1 có sang nhà ông hỏi xem nhà ông có mua đất của bố mẹ bà X1 không, ông bà bán để lấy tiền điều trị ốm đau. Sau khi sang nhà gặp ông C và bà L1 thống nhất việc mua bán đất thì khi mua ông có nhờ ông Hà Minh T11 sang làm chứng việc mua bán đất, ông mua khoảng 500m² đất tính từ mép nhà phía sau nơi ông C và bà L1 ở với giá 10 triệu đồng. Do mắt ông C kém nên nhờ ông viết hộ, vì ông C nói bà L1 tên Lê Thị L3 nên ông viết vào giấy chuyển nhượng là Lê Thị L3, sau khi viết xong thì tự tay ông C, bà L3 và anh Lê Ngọc M2 là con trai ông C, bà L3 cùng ký tên vào giấy, có anh Hà Minh T11 chứng kiến ký tên, có xác nhận của ông Vũ Mạnh T12 trưởng thôn, ông Hoàng Bá T13 là cán bộ địa chính và xác nhận của Chủ tịch xã H ông Nguyễn Quốc S. Việc ông mua bán đất với ông C có căn cứ, có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi mua ông có xây mốc giới đến năm 2006, ông C đến phá mốc giới, ông có báo cáo chính quyền địa phương, trong buổi làm việc ngày 28/12/2006, hội nghị kết luận việc ông mua đất của gia đình ông C, bà L3 là đúng. Sau đó đến năm 2012 do đo đạc lại thì diện tích đất ông mua còn lại 215m². Kể từ ngày 28/12/2006 đến giờ ông không

xây tường rào bao quanh, không quản lý đất. Về giấy tờ chuyển nhượng bản gốc thì ông đã làm thất lạc nên không có bản gốc để xuất trình cho Toà án được. Nay vợ chồng ông đề nghị Toà án công nhận việc mua bán đất giữa vợ chồng ông với ông C và bà L3 hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông X1 và bà T10, nguyên đơn, bị đơn và các đồng thừa kế của ông C và bà L3 đều có quan điểm như sau:

Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X và bà Hoàng Thị T10 vì các lý do sau: Khi bố mẹ các ông bà còn sống đều không thừa nhận việc bán đất cho ông X và bà T10. Theo ông X trình bày và cung cấp bản phô tô biên bản làm việc ngày 18/12/2006 thể hiện nội dung bố mẹ bà không thừa nhận việc bán đất cho gia đình ông X. Năm 2011, khi tiến hành đo vẽ lại sơ đồ đất của các hộ dân tại xã H. Khi đo đến thửa đất của hộ ông C và bà L3, ông X có tranh chấp nói đây là đất của ông X. Sau đó địa chính dừng lại 1 tháng để đo lại đất và giải quyết tranh chấp, lúc này ông C đã chết, bà L3 còn sống, bà L3 không thừa nhận việc bán đất cho ông X, hết thời gian 1 tháng không ai có ý kiến gì thì bà L3 và anh chị em chúng tôi ký vào hồ sơ đất gửi sở tài nguyên tỉnh T, toàn bộ diện tích đất đều đứng tên bà Hoàng Thị L1. Hơn nữa ông Lê Tất C khi còn sống là thầy giáo nên không có lý do gì khi mua bán đất lại nhờ người khác viết hộ còn mẹ bà tên là Hoàng Thị L1, là người không biết chữ nên không thể ký vào giấy bán đất được, em trai Lê Ngọc M2 là người bị bệnh thần kinh từ bé nên không thể làm chứng cho việc mua bán đất. Khi chính quyền địa phương xác nhận vào giấy mua bán đất cho ông X nhưng khi đo vẽ lại đất cũng như kê khai địa chính thì thửa đất vẫn mang tên ông C và bà L1. Quá trình sử dụng đất do ông C và bà L1 nộp thuế đất với nhà nước. Khi xảy ra tranh chấp đất chúng tôi có yêu cầu ông X xuất trình ra giấy tờ mua bán đất nhưng ông X không xuất trình được.

Những người làm chứng trong vụ án gồm các ông Hà Văn T14 trình bày như sau: Vào thời điểm năm 2002, cụ thể tháng nào thì ông không nhớ, ông đang trực thu tiền điện ở nhà văn hoá thôn thì ông X đến gọi ông T12 là trưởng thôn đến chứng kiến việc ông X và ông C mua bán đất, lúc này ông T12 sai ông đến đo đất. Khi đến ông chứng kiến việc ông X và ông C thoả thuận mua bán đất với giá 10 triệu đồng, ông X đã đưa tiền cho ông C sau đó ông X là người viết giấy mua bán đất còn ông ký vào mục người làm chứng về nội dung cụ thể giấy viết như thế nào thì ông không đọc. Say khi ký giấy tờ xong thì ra đo đất, đo cách móng nhà 04m về phía Đ3, phía Nam giáp đất nhà bà L2 còn phía Bắc giáp đường giao thông liên thôn, diện tích cụ thể bao nhiêu thì ông không biết, chỉ biết ông C bán hết đất vườn còn lại. Khi bán đất thì có ông, ông

T12 chứng kiến, còn nhà ông C có ông C, bà L1 và có ông X còn bà T10 không có ở trong nhà. Năm 2006, hai gia đình có xảy ra tranh chấp, ông có tham gia buổi làm việc nhưng nội dung giải quyết như thế nào thì ông không còn nhớ.

Về lời khai của ông Hoàng Bá T15 nguyên cán bộ địa chính xã H giai đoạn 1997 - 2007 trình bày: Khoảng tháng 12/2002, ông có nhận được đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình nhà ông C bán đất cho nhà ông X, giấy tờ do ông C cầm lên vì đất của hộ ông C có vị trí dễ coi nói và lấn chiếm nên tôi trực tiếp xuống tận nơi để kiểm tra hiện trạng, khi đến tôi đã thấy mốc giới hai hộ đã cắm ngoài thực địa. Sau khi kiểm tra xong thì tôi xác nhận vào trong giấy chuyển nhượng mua bán đất và chuyển lên cho chủ tịch UBND xã thời bấy giờ là ông Nguyễn Quốc S ký. Đến năm 2006, ông có nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp của hai hộ, ông có tham gia nhưng nội dung cụ thể thì ông không nhớ.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký QSD đất và chính quyền địa phương về các vấn đề như sau;

- Hộ ông Lê Tất C đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất vào năm 1994 với diện tích đất là 500m² trong đó có 200m² đất ở và 300m² đất vườn, theo Giấy chứng nhận QSD đất số D0995983, số vào sổ 649, theo quyết định số 81QB/UBND, ngày 29/8/1994.

- Về sự sai khác về số thửa giữa bản đồ đo vẽ qua các thời kỳ là do quy trình về việc thành lập bản đồ địa chính, đánh số thửa, thửa qua các thời điểm khác nhau nên ký hiệu về số thửa thửa đất và số tờ bản đồ khác nhau.

- Về thửa 322, diện tích 215m² bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002 mang tên ông Lê Văn X là do năm 2002, sổ mục kê ghi tên ông Lê Văn X, ai là người kê khai thì không có hồ sơ sổ sách thể hiện.

- Về phần diện tích tăng hơn so với phần diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận QSD đất là 981,4m² như sau:

+ Về nguyên nhân tăng diện tích: Do bờ cõi ranh giới đất và các thiết bị đo đạc tại thời kỳ khác nhau nên dẫn đến sai sót về diện tích đất.

+ Hiện tại thửa đất không có tranh chấp với các hộ sử dụng đất liền kề, không lấn chiếm đất của nhà nước.

- Về việc UBND phường H có nắm bắt được việc hộ gia đình ông Lê Tất C và hộ gia đình ông Lê Văn X chuyển nhượng đất không?

+ Về thay đổi số thửa và tên chủ sử dụng; Vào năm 2002, do gia đình ông C và bà L1 đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho hộ ông X tuy nhiên đến nay chưa

làm thủ tục theo quy định của pháp luật và hiện tại cũng như thời gian trước đây không có hồ sơ, sổ sách lưu giữ về việc hộ gia đình ông Lê Tất C và hộ gia đình ông Lê Văn X có đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay không. Vào năm 2006 và 2010, UBND Phường H có giải quyết tranh chấp về việc mua bán đất giữa hai hộ gia đình tuy nhiên kết quả giải quyết và nội dung giải quyết như thế nào thì không có hồ sơ lưu tại UBND Phường H. Quá trình sử dụng đất của hộ ông C và bà L1 sử dụng ổn định từ trước năm 1980 cho đến nay, không xảy ra tranh chấp với các hộ liền kề.

Tại phiên tòa phía những người con cụ Lê Tất C và cụ Hoàng Thị L1 đều giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế và bác đơn khởi kiện của ông Lê Văn X.

Về phía ông X và bà T10 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông đều khai khi mua bán do chữ ông C xấu nên ông C nhờ ông viết, khi viết ông C nói bà L1 họ Lê Thị 1 nên ông viết tên Lê Thị L3. Khi mua bán có ông Hà Minh T11 làm chứng, có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi mua bán xong do ông C không đưa sổ đỏ cho ông nên mới không làm thủ tục chuyển nhượng cho ông được. Về việc thay đổi diện tích so với giấy chuyển nhượng và diện tích thửa đất do khi làm đường nhà nước lấy đất nên diện tích đất mới còn hơn 200m². Nay ông C và bà L3 đã chết nên ông đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất hợp pháp. Tại phiên tòa ông cũng khẳng định về giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông C bà L3 ông đã làm mất nên không cung cấp cho HĐXX được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 95, Điều 147, Điều 165, Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 217, 227, 228 và Điều 271 BLTTDS; Điều 611, Điều 612, Điều 613, 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, 2 Điều 651, 652 BLDS năm 2015; Căn cứ khoản 5 Điều 98, Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu của ông Lê Văn X là đúng theo

quy định pháp luật tuy nhiên thụ lý theo thông báo thụ lý bổ sung là không đúng. Ông X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên thông báo thụ lý theo yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 201 BLTTDS.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X đề nghị HĐXX đình chỉ trả lại đơn khởi kiện cho ông X vì chưa đủ điều kiện khởi kiện. Vì trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa ông X không xuất trình được bản gốc giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và gia đình ông C và bà L3. Quá trình điều tra xác minh không có tài liệu nào thể hiện ông Lê Văn X và ông Lê Tất C, bà Hoàng Thị L1 đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại cơ quan chức năng có thẩm quyền. Đề nghị HĐXX giành quyền khởi kiện cho ông Lê Văn X đối với các đồng thừa kế của ông C và bà L1 khi có đủ điều kiện khởi kiện và trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Văn X.

* Về yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Về thời hiệu chia thừa kế: cụ Lê Tất C chết năm 2007, cụ Hoàng Thị L1 chết năm 2018. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 BLDS thời hiệu chia thừa kế đang còn.

- Về hàng thừa kế theo quy định của pháp luật: Cụ C và cụ L1 sinh được 08 người con gồm: ông Lê Huy T, bà Lê Thị L2, Lê Thị X1, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Thị M, Lê Ngọc M2 và Lê Thị M1. Cụ C chết năm 2007 và cụ L1 chết năm 2018, bà Lê Thị L2 chết năm 2002, chết trước thời điểm hai cụ chết nên hàng thừa kế thế vị của bà L2 là các con của bà L2 gồm: Anh Hoàng Văn T1; Chị Hoàng Thị D; Chị Hoàng Thị L; Anh Hoàng Văn T2; A Hoàng Văn N và Hoàng Văn Đ1.

Bà Lê Thị X1 chết năm 2009, vì vậy khi cụ C chết bà X1 đang là hàng thừa kế thứ nhất của cụ C, nên năm 2009 bà X1 chết thì chồng bà X1 là ông Nguyễn Văn Đ2 và các con bà X1 được hưởng thừa kế trong di sản thừa kế của cụ C do bà X1 để lại, năm 2017, cụ L1 chết thì hàng thừa kế thế vị của bà X1 gồm các con của bà X1: Chị Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn A.

Năm 2015, ông M2 chết tuy nhiên vợ ông M2 cũng đã chết nên hàng thừa kế thế vị của ông M2 gồm: Anh Lê Ngọc Q, Lê Thị T7 và Lê Thị N1.

- Về phần tài sản của cụ C và cụ L1 để lại là diện tích đất 1.481.7m² đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất tại TDP T, phường H, TX. N, Thanh Hóa với diện tích được cấp là 500m² đất trong đó có 200m² đất ở còn lại 300m² đất vườn theo giấy CNQSD đất số D0995983, số và o số 649, theo Quyết định cấp đất số 81/QĐ/UBTG ngày 29/8/1994. Đối với phần diện tích tăng 981,7m² đượng Văn

phòng đăng ký sử dụng đất **thị xã N** xác định nguyên nhân tăng do quá trình đo vẽ qua các thời kỳ bằng các trang thiết bị khác nhau và ranh giới tại thời điểm đo vẽ chưa chính xác; **UBND Phường H** xác nhận ranh giới, vị trí đất không thay đổi so với thời kỳ được cấp giấy CN QSD đất, gia đình sử dụng đất từ trước năm 1980 trở lại đây, không xảy ra tranh chấp với các hộ liên kề. Quá trình cụ **C** và cụ **L1** còn sống đã cho cháu **Lê Huy T8** diện tích đất hiện đang sử dụng là 281.3m² đất tại thửa đất số 44 và cho cháu **Lê Ngọc Q** 248,6m² đất tại thửa số 45. Điều này được các đồng thừa kế thừa nhận và thống nhất đã cho cháu **Lê Huy T8** thêm 18,7m² thành 300m² và **Lê Ngọc Q**, do trên đất các cháu đã có nhà ở nên thống nhất cho mỗi cháu 40m² đất ở, số đất còn lại là đất vườn liên kề. Diện tích đất còn lại được xác định là di sản thừa kế của hai cụ còn lại là: 933.1m² trong đó có 833,1m² đất vườn và 100m² đất ở, trên đất không có vật kiến trúc.

- Về giá trị di sản thừa kế: Tổng giá trị di sản thừa kế là 354.959.100 đồng. Mỗi một kỷ phần thừa kế trị giá 43.244.887 đồng.

- Về cách chia thừa kế: Các đồng thừa kế thống nhất chia di sản thừa kế làm 8 phần bằng nhau. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà **M**, Mợ, **H**, chị **D**, anh **Đ1**, chị **T7**, chị **N2**, anh **Q**, chị **T3**, ông **Đ2** và các con ông **Đ2** đều đề nghị Tòa án chia phần di sản bằng hiện vật cho bà **H** và bà **M1**, còn lại họ lấy giá trị bằng tiền do bà **H**, bà **M1** và ông **T** giao lại.

Căn cứ vào Quyết định số 4463/2014/QĐ – UBND, ngày 12/12/2014 của **UBND Tỉnh T** và căn cứ vào ý chí tự nguyện của các đồng thừa kế nên HĐXX chia như sau:

+ Giao cho ông **Lê Huy T** được quyền sử dụng 98,3m² trong đó có 40m² đất ở và 58,3m² đất vườn. Trị giá 109.574.100 đồng

+ Giao cho bà **Lê Thị H** được quyền sử dụng 417.4m², trong đó có 40m² đất ở và 377,4m² đất vườn. trị giá 118.192.500 đồng.

+ Giao cho bà **Lê Thị M1** được quyền sử dụng 417.4m², trong đó có 40m² đất ở và 377,4m² đất vườn. trị giá 118.192.500 đồng

+ Ông **Lê Huy T** giao lại cho bà **Lê Thị M** số tiền 43.244.887 đồng; ông **Lê Huy T** giao số tiền 23.084.326 đồng và bà **H** giao số tiền 20.160.561 đồng cho các con của ông **Lê Ngọc M2**; bà **Lê Thị H** giao cho chồng và các con của bà **Lê Thị X1** số tiền: 43.244.887 đồng; Bà **Lê Thị M1** giao lại cho các con của bà **Lê Thị L2** số tiền 43.244.887 đồng; Bà **Lê Thị H** giao số tiền 11.542.165 đồng và bà **Lê Thị M1** giao số tiền 31.702.726 đồng cho bà **Lê Thị H1** (có người giám hộ là anh **Hà Văn Đ** – con trai).

- Về án phí: Bà **H**, ông **T**, bà **H1** được miễn tiền án phí. Còn lại mỗi người phải chịu tiền án phí tương ứng với kỷ phần thừa kế mình được nhận.

- Về lệ phí tố tụng: Bà **Lê Thị H** nộp tiền tạm ứng lệ phí định giá tài sản và chi phí đo đạc số tiền 12.019.612 đồng. Bà **H** không yêu cầu các đồng thừa kế phải hoàn lại cho mình. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà **H** nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Lê Thị H** khởi kiện vụ án chia thừa kế đối với di sản thừa kế do cụ **Lê Tất C** và cụ **Hoàng Thị L1** để lại đây là vụ án tranh chấp về chia thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn **thị xã N, tỉnh Thanh Hóa** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu chia thừa kế: Cụ **Lê Tất C** chết năm 2007, cụ **Hoàng Thị L1** chết năm 2018, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015 thì thời hiệu chia thừa kế đang còn.

Về tư cách người tham gia tố tụng: Cụ **C** và cụ **L1** sinh được 08 người con, cụ **C** chết năm 2007 còn cụ **L1** chết năm 2018, trong đó có bà **Lê Thị L2** chết trước hai cụ nên hàng thừa kế thế vị của bà **L2** là các con của bà **L2**, đối với bà **X1** tại thời điểm cụ **C** chết bà **X1** đang còn sống nên là hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C** đến năm 2009 bà **X1** chết thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà **X1** là chồng và các con vì vậy trong di sản thừa kế của cụ **C** để lại chồng bà **X1** là ông **Nguyễn Văn Đ2** vẫn được hưởng vì vậy đưa ông **Nguyễn Văn Đ2** và các con của bà **X1** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để đảm bảo quyền lợi cho ông **Đ2** cũng như đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn X** được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông **X** có liên quan trực tiếp đến vụ án chia thừa kế căn cứ Điều 201 BLTTDS, TAND Thị xã Nghi Sơn đã thụ lý bổ sung theo yêu cầu độc lập của ông **X** và giải quyết trong cùng một vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần hai nhưng các đương sự vẫn có tình vắng mặt nên HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Xét về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X về việc: Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X, phần trình bày của bà Hoàng Thị T10 là vợ ông X và phần trình bày của những người làm chứng, các tài liệu chứng cứ thu thập được tại địa phương, phần trình bày của các cơ quan chức năng và các tài liệu chứng cứ do ông X cung cấp HĐXX nhận thấy như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn X và bà Hoàng Thị T10, không xuất trình được các tài liệu chứng cứ có giá trị về mặt pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu ông Lê Văn X phải cung cấp giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 01/3/2002, tại biên bản làm việc với Tòa án và trong phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa ông X khẳng định đã làm mất giấy chuyển nhượng đất ở của gia đình ông với ông C và bà L1. Hiện tại giấy gốc ông đưa cho ai, ở đâu ông không xác định được. Vì vậy ông chỉ cung cấp được những người làm chứng biết rõ về sự việc mua bán đất giữa ông với gia đình ông C.

Tiến hành làm việc với những người làm chứng do ông X yêu cầu Tòa án triệu tập đều khai: Có sự việc mua bán đất giữa gia đình ông Lê Văn X và gia đình ông Lê Tất C. Đến năm 2006, hai bên có xảy ra tranh chấp tuy nhiên kết quả giải quyết như thế nào thì họ không còn nhớ.

Tiến hành làm việc với UBND Phường H xác định: Tính đến thời điểm hiện nay UBND Phường H không nhận được hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Lê Văn X và gia đình ông Lê Tất C. UBND phường H cũng không có hồ sơ lưu lại của những năm 2019 trở về trước vì vậy việc gia đình ông X và ông C có đăng ký chuyển nhượng hay không thì UBND Phường H không nắm được.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác định Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất không có hồ sơ lưu việc đăng ký chuyển nhượng đất giữa hộ ông Lê Văn X với hộ ông Lê Tất C nên việc hộ ông X và ông hộ ông C trước đây có đăng ký chuyển nhượng không thì Văn phòng đăng ký QSD đất không biết.

Xét thấy việc ông Lê Văn X khởi kiện là yêu cầu chính đáng tuy nhiên ông Lê Văn X không cung cấp được các tài liệu chứng cứ gốc chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp vì vậy HĐXX xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo việc không làm mất quyền khởi kiện lại của ông X nên HĐXX xác định yêu cầu khởi kiện của ông X là chưa đủ điều kiện khởi kiện nên đình chỉ giải quyết và giành quyền khởi

kiện cho ông **Lê Văn X** bằng một vụ án khác đối với các đồng thừa kế của cụ **C** và cụ **L1** khi có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về di sản thừa kế của cụ **Lê Tất C** và cụ **Hoàng Thị L1**: Theo cung cấp của các đương sự cũng như các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án xác định: Khi còn sống cụ **Lê Tất C** và **Hoàng Thị L1** có tạo dựng được 1.481.7m² đất và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số D0995983, số vào sổ 649 với diện tích cấp đất là 500m² trong đó có 200m² đất ở và 300m² đất vườn. Quá trình giải quyết vụ án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và **Văn phòng Đ4** đất **thị xã N** xác định về số diện tích đất tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp như sau:

- Về nguyên nhân tăng: Về sự thay đổi diện tích đất của hộ ông **C** và bà **L1** qua các thời kỳ đo vẽ là do quá trình đo vẽ qua các thời kỳ bằng các trang thiết bị khác nhau và ranh giới tại thời điểm đo vẽ chưa chính xác.

- Về ranh giới vị trí đất không thay đổi từ thời kỳ gia đình ông **C** và bà **L1** ở trước năm 1980 cho đến nay. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Đối với sự thay đổi số thửa và số tờ bản đồ là do đo vẽ qua các thời kỳ khác nhau dẫn đến sự thay đổi về số tờ bản đồ và số thửa còn vị trí đất không thay đổi.

Vì vậy căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai xác định diện tích đất có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống cụ **C** và cụ **L1** có tạo lập nên khối tài sản là 1481,7m², trong đó có 200m² đất ở và 1281.7m² đất vườn liền kề.

Quá trình giải quyết vụ án các con của cụ **C** và cụ **L1** đều thừa nhận khi các cụ còn sống vào năm 1997 có cho cháu **Lê Huy T8** là con trai ông **Lê Huy T** một diện tích đất, gia đình anh **T8** đã làm nhà và ở ổn định từ năm 1998 cho đến nay không xảy ra tranh chấp. Ngoài ra cụ **C** và cụ **L1** còn cho cháu **Lê Ngọc Q** là con trai ông **Lê Ngọc M2** khu nhà mà ông bà đang ở.

Quá trình giải quyết vụ án các đồng thừa kế đều thống nhất do vị trí đất hiện tại anh **T8** đang ở về phía sau rộng hơn phía trước nên thống nhất cho anh **T8** thêm 18,7m² đất để vị trí đất của anh **T8** không bị hụt phía đường trước nhà.

Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên được HĐXX chấp nhận.

Tiến hành đo vẽ diện tích thực tế đất hiện tại anh **Lê Huy T8** đang ở là 281.3m² sau khi được các đồng thừa kế nhất trí cho thêm 18,7m² nên diện tích đất cho anh **T8** là 300m². Diện tích đất đo vẽ thực tế nhà và công trình phụ mà cụ **C** và cụ **L1** cho anh **Q** có diện tích là: 248,6m².

Từ những phân tích nói trên HĐXX xác định di sản thừa kế của cụ **Lê Tất C** và

Hoàng Thị L1 để lại là 933,1m² đất tại TDP T, phường H, TX. N, Thanh Hóa. Do anh T8 và anh Q đã xây nhà kiên cố nên cần trích ra 80m² đất ở trong tổng số đất ở 200m² đất cho anh T8 và anh Q mỗi người 40m² đất ở. Vì vậy xác định di sản thừa kế còn lại là 120m² đất ở và 813,1m² đất vườn.

[2.3]. Xét về yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn HĐXX thấy: Quá trình giải quyết vụ án các đồng thừa kế của cụ C và L1 đều xác định trước khi chết hai cụ không để lại di chúc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nên HĐXX căn cứ Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự có yêu cầu để lại một diện tích đất làm nhà thờ tuy nhiên không thống nhất được việc để lại diện tích là bao nhiêu vì vậy HĐXX không chấp nhận.

[3]. Xét về hàng thừa kế của cụ Lê Tất C và Hoàng Thị L1: Cụ C và cụ L1 sinh được 8 người con gồm: ông Lê Huy T, bà Lê Thị L2, Lê Thị X1, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Thị M, Lê Ngọc M2 và Lê Thị M1. Ngoài tám người con ruột trên hai cụ không có con nuôi hay con ngoài giá thú. Trong 8 người con của ông bà hiện nay đã chết ba người là bà Lê Thị L2 (chết năm 2002), Lê Ngọc M2 (chết năm 2015) và Lê Thị X1 (chết năm 2009), còn bà Lê Thị H1 bị thần kinh, TAND Thị xã Nghi Sơn đã ra Quyết định tuyên bố bà Lê Thị H1 mất năng lực hành vi dân sự. Đối với những người con đã chết của cụ C và L1 theo quy định tại Điều 652 của BLDS thì xác định hàng thừa kế thế vị là con của bà L2, ông M2 và con và chồng của bà X1 được thế vị hưởng di sản của hai cụ.

Đối với bà Lê Thị H1 bị mất năng lực hành vi dân sự có con trai là Hà Văn Đ là người giám hộ cho bà H1 nên anh Đ tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Vì vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của các cụ gồm: ông Lê Huy T, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Thị M, Lê Ngọc M2 và Lê Thị M1. Hàng thừa kế thế vị là các con của bà L2, ông M2 chồng và các con của bà X1.

[4]. Xét về giá trị di sản thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành thẩm định và định giá và đo đạc tài sản phần di sản thừa kế do bố mẹ bà để lại. Ngày 03/3/2023, HĐ ĐG UBND Thị xã N và công ty TNHH Đ5 đã tiến hành đo đạc diện tích đất và xác định giá trị di sản thừa kế. Tất cả các đồng thừa kế đều thống nhất với kết quả định giá của HĐ ĐG và kết quả của công ty Đ6 vì vậy giá trị di sản thừa kế được xác định như sau: Về diện tích đất ở: 120m² x

2.700.000đ = 324.000.000đ, về diện tích đất thổ canh (đất vườn) $813.1m^2 \times 27.000đ = 21.953.700$ đồng.

Về vật kiến trúc xây dựng: Tường rào xây gạch cóm, có kích thước: $(9,9m \times 2m) \times 129.000đ \times 50\% = 1.277.100đ$. Đối với phần tường rào các đương sự thống nhất không tính vào giá trị di sản thừa kế. Khi chia phần đất của ai có tường rào thì người đó được hưởng.

Đối với cây cối và rau màu trồng trên đất, các đương sự không yêu cầu định giá, khi chia đất cây của ai trên phần đất thì người đó được hưởng.

Như vậy tổng giá trị di sản thừa kế là 345.953.7000 đồng. Mỗi kỳ phần thừa kế có giá trị là 43.244.212 đồng.

[5]. Xét về cách chia di sản thừa kế như sau: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về hạn mức đất ở không đảm bảo chia đều cho tất cả các đương sự bằng hiện vật nên thống nhất phân chia cho ông **Lê Huy T** một phần diện tích đất ông **T** được hưởng và phần còn lại chia đều cho bà **H** và bà **M1**. Bà **H** và bà **M1** có trách nhiệm chuyển giao lại giá trị theo kỳ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại không được nhận bằng hiện vật.

Căn cứ vào Quyết định số 4463/2014/QĐ – UBND, ngày 12/12/2014 của **UBND Tỉnh T** và căn cứ vào ý chí tự nguyện của các đồng thừa kế nên HĐXX chia như sau:

+ Chia cho ông **Lê Huy T** được quyền sử dụng 98,3m² trong đó có 40m² đất ở và 58,3m² đất vườn có trị giá 109.574.100 đồng. Có vị trí giáp ranh như sau: Phía tây giáp đất anh **Lê Ngọc T16** có chiều dài 23,33m; Phía Đông giáp đất anh **Lê Ngọc Q** có chiều dài 23,72; Phía Nam giáp hộ ông **Bùi Văn L4** có chiều rộng 4,14m, Phía Bắc giáp đường liên **thôn T** đi ra biển có chiều rộng 4,24m. (thể hiện tại vị trí số 1 của sơ đồ)

+ Chia cho bà **Lê Thị H** được quyền sử dụng 417,5m² trong đó có 40m² đất ở và 377,5m² đất vườn trị giá 118.192.500đ. Có vị trí giáp ranh như sau: Phía Nam một phần giáp hộ ông **Bùi Văn L4** có chiều dài 1,99m + 3,97m + 0,65m và một phần giáp đất nghĩa trang có chiều dài 5,56m + 3,77m; Phía Đông giáp đất bà **Lê Thị M1** có chiều dài 28,97m; Phía Bắc giáp đường liên **thôn T** đi ra biển có chiều rộng 16,38m và phía Tây giáp đất anh **Lê Ngọc Q** có chiều dài 24,82m. (thể hiện tại vị trí số 2 của sơ đồ)

+ Chia cho bà **Lê Thị M1** được quyền sử dụng 417,5m² trong đó có 40m² đất ở và 377,5m² đất vườn trị giá 118.192.500đ. Phía Nam giáp đất nghĩa trang có chiều dài 4,02m + 6,21m + 6,22m + 4,90m; Phía Đông giáp đất bà **Lê Thị H** có chiều dài 28,97m; Phía Bắc đường liên **thôn T** đi ra biển có chiều rộng 16,39m và phía Tây giáp cánh đồng mạ có chiều dài 8,50m + 5,68m + 8,28m. thể hiện tại vị trí số 3 của sơ

đồ).

Về phần tài sản trên đất là cây cối, tường rào vào phần đất của ai thì người đó được quyền sở hữu.

+ Ông **Lê Huy T** giao lại cho bà **Lê Thị M** số tiền 43.244.887 đồng; ông **Lê Huy T** giao số tiền 23.084.326 đồng và bà **H** giao số tiền 20.160.561 đồng cho các con của ông **Lê Ngọc M2**; bà **Lê Thị H** giao cho chồng và các con của bà **Lê Thị X1** số tiền: 43.244.887 đồng; Bà **Lê Thị M1** giao lại cho các con của bà **Lê Thị L2** số tiền 43.244.887 đồng; Bà **Lê Thị H** giao số tiền 11.542.165 đồng và bà **Lê Thị M1** giao số tiền 31.702.726 đồng cho bà **Lê Thị H1** (có người giám hộ là anh **Hà Văn Đ** – con trai).

[6] Về án phí và lệ phí tố tụng:

- Về án phí: Bà **H**, ông **T**, bà **Lê Thị H1** được miễn án phí.

- Bà **Lê Thị M1**, **Lê Thị M**, chị **Hoàng Thị D**, đại diện gia đình ông **Lê Ngọc M2**, anh **Lê Ngọc Q** và đại diện gia đình bà **Lê Thị X1**, anh **Nguyễn Văn T17** mỗi người phải chịu 2.162.244 đồng tiền án phí tương ứng với kỹ phần thừa kế mình được nhận.

- Về lệ phí tố tụng: Bà **Lê Thị H** nộp tiền tạm ứng lệ phí định giá tài sản và chi phí đo đạc số tiền 12.019.612 đồng, bà **H** không yêu cầu các đồng thừa kế trả lại cho bà. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà **H** nên HĐXX chấp nhận

[7]. Xét về quan điểm của Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 95, Điều 147, Điều 165, Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Điều 611, Điều 612, Điều 613, 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, 2 Điều 651 và Điều 652 BLDS năm 2015. Căn cứ khoản 5 Điều 98, Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; **điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b tiểu mục 1.3 khoản 1 mục II phần A của danh mục án phí, lệ phí Tòa án.**

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn X**.

- ông **Lê Văn X** được quyền khởi kiện lại vụ án khi có đủ điều kiện khởi kiện.

- Trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho ông **Lê Văn X** theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006900, ngày 15/12/2023 của **Chi cục THADS Thị xã N**, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị H**.

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ **Lê Tất C** và **Hoàng Thị L1** để lại là 933,1m² đất tại **TDP T, phường H, TX. N, Thanh Hóa**. Trong đó 120m² đất ở và 813,1m² đất vườn. Tổng giá trị di sản thừa kế là 345.953.7000 đồng. Mỗi một kỷ phần thừa kế là: 43.244.887 đồng.

- Xác định diện tích đất 300m², thửa đất số 44 thuộc quyền sử dụng đất của anh **Lê Huy T8**. Không còn được coi là di sản thừa kế của cụ **C** và cụ **L1**.

- Xác định diện tích đất 248.6m², thửa đất số 45 thuộc quyền sử dụng đất của anh **Lê Ngọc Q**. Không còn được coi là di sản thừa kế của cụ **C** và cụ **L1**.

2.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C** và cụ **L1** gồm: ông **Lê Huy T**, bà **Lê Thị H**, bà **Lê Thị M**, bà **Lê Thị H1** (con trai **Hà Văn Đ** là người giám hộ) và bà **Lê Thị M1**.

- Xác định hàng thừa kế thế vị của cụ **C** và Là như sau: Anh **Hoàng Văn T1**, Chị **Hoàng Thị D**, Chị **Hoàng Thị L**, A **Hoàng Văn T2**, Anh **Hoàng Văn N**, Anh **Hoàng Văn Đ1** là các con của bà **Lê Thị L2**; anh **Lê Ngọc Q**, chị **Lê Thị T7** và chị **Lê Thị N1** là các con của ông **Lê Ngọc M2**; ông **Nguyễn Văn Đ2**, anh **Nguyễn Văn T5**, anh **Nguyễn Văn Á**, chị **Nguyễn Thị T18**, chị **Nguyễn Thị T3**, chị **Nguyễn Thị T4** và chị **Nguyễn Thị H2** là chồng và con của bà **Lê Thị X1**.

3. Chia di sản thừa kế như sau:

+ Chia cho ông **Lê Huy T** được quyền sử dụng 98,3m² trong đó có 40m² đất ở và 58,3m² đất vườn có trị giá 109.574.100 đồng. Có vị trí giáp ranh như sau: Phía tây giáp đất anh **Lê Huy T8** có chiều dài 23,33m; Phía Đông giáp đất anh **Lê Ngọc Q** có chiều dài 23,72; Phía Nam giáp hộ ông **Bùi Văn L4** có chiều rộng 4,14m, Phía Bắc giáp đường liên **thôn T** đi ra biển có chiều rộng 4,24m. (thể hiện tại vị trí số 1 của sơ đồ)

+ Chia cho bà **Lê Thị H** được quyền sử dụng 417,4m² trong đó có 40m² đất ở và 377,4m² đất vườn trị giá 118.192.500đ. Có vị trí giáp ranh như sau: Phía Nam một phần giáp hộ ông **Bùi Văn L4** có chiều dài 1,99m + 3,97m + 0,65m và một phần giáp đất nghĩa trang có chiều dài 5,56m + 3,77m; Phía Đông giáp đất bà **Lê Thị M1** có chiều dài 28,97m; Phía Bắc giáp đường liên **thôn T** đi ra biển có chiều rộng 16,38m và phía Tây giáp đất anh **Lê Ngọc Q** có chiều dài 24,82m. (thể hiện tại vị trí số 2 của sơ đồ)

+ Chia cho bà **Lê Thị M1** được quyền sử dụng 417,4m² trong đó có 40m² đất ở

và 377,4m² đất vườn trị giá 118.192.500đ. Phía Nam giáp đất nghĩa trang có chiều dài 4,02m + 6,21m + 6,22m + 4,90m; Phía Đông giáp đất bà Lê Thị H có chiều dài 28,97m; Phía Bắc đường liên thôn T đi ra viên có chiều rộng 16,39m và phía Tây giáp cánh đồng mạ có chiều dài 8,50m + 5,68m + 8,28m. (Thể hiện tại vị trí số 3 của sơ đồ).

Có trích đo hiện trạng kèm theo bản án.

Về phân tài sản trên đất là cây cối, tường rào vào phần đất của ai thì người đó được quyền sở hữu.

+ Ông Lê Huy T giao lại cho bà Lê Thị M số tiền 43.244.887 đồng; ông Lê Huy T giao số tiền 23.084.326 đồng và bà H giao số tiền 20.160.561 đồng cho các con của ông Lê Ngọc M2 gồm anh Lê Ngọc Q, chị Lê Thị T7 và chị Lê Thị N1; bà Lê Thị H giao cho chồng và các con của bà Lê Thị X1 gồm ông Nguyễn Văn Đ2, anh Nguyễn Văn T5, anh Nguyễn Văn Á, chị Nguyễn Thị T18, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4 và chị Nguyễn Thị H2 số tiền: 43.244.887 đồng; Bà Lê Thị M1 giao lại cho các con của bà Lê Thị L2 gồm Anh Hoàng Văn T1, Chị Hoàng Thị D, Chị Hoàng Thị L, A Hoàng Văn T2, Anh Hoàng Văn N, Anh Hoàng Văn Đ1 số tiền 43.244.887 đồng; Bà Lê Thị H giao số tiền 11.542.165 đồng và bà Lê Thị M1 giao số tiền 31.702.726 đồng cho bà Lê Thị H1 (có người giám hộ là anh Hà Văn Đ – con trai).

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định Điều 357, Khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

- Các đồng thừa kế được chia quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã N, tỉnh Thanh Hóa để được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với phần đất mình được chia theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H, ông Lê Huy T, bà Lê Thị H1 được miễn án phí.

- Bà Lê Thị M1, Lê Thị M, chị Hoàng Thị D (đại diện hàng thừa kế thế vị của bà Lê Thị L2), anh Lê Ngọc Q (đại diện hàng thừa kế thế vị của ông Lê NGọc M3) và anh Nguyễn Văn T17 (đại diện hàng thừa kế thế vị của bà Lê Thị X1) mỗi người phải chịu 2.162.244 đồng tiền án phí tương ứng với kỹ phần thừa kế mình được nhận.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà H, ông T, bà M1, ông X1 và anh T8, vắng mặt bà M, anh Hoàng Văn T1, Chị Hoàng Thị D, anh Lê Ngọc Q, chị Lê Thị T7 và chị Lê Thị N1, ông Nguyễn Văn Đ2, anh Nguyễn Văn T5, anh Nguyễn

Văn Á, chị Nguyễn Thị T18, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4 và chị Nguyễn Thị H2, bà Hoàng Thị T10 và chị Bùi Thị T9. Những người có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo tình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Cúc